

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **82/2018/HNGĐ - ST.**
Ngày: 07 – 02 - 2018
V/v Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Việt Huân và ông Đỗ Đình Bản.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Phương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Tiến H – Sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T(tên gọi khác Lê Hoài T) – Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tiểu khu Cơ quan, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

Hiện đang chấp hành án tại đội A, phân trại B, trại giam số C Lam Sơn, Thanh Hóa.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 09 tháng 11 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Tiến H trình bày.

Anh H và chị T kết hôn với nhau từ ngày 02/10/1989, việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

Sau ngày cưới hai vợ chồng ra ở riêng, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc.

Đến năm 2005 anh và chị T bị bắt về tội ma túy, chị T bị xử phạt án chung thân, còn anh bị xử phạt 20 năm và anh đã được đặc xá trở về địa phương trước thời hạn. Còn chị T đang phải đi chấp hành án tại đội A, phân trại B, trại giam số C Lam Sơn, Thanh Hóa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin được ly hôn với chị T.

Về con chung có 02 cháu là Phạm Tiến H, sinh ngày 17/3/1990. Cháu thứ hai là Phạm Huy H2 – Sinh năm 2003. Khi cả hai vợ chồng bị bắt, do không có điều kiện nuôi dưỡng, anh và chị T đã cho cháu đi làm con nuôi em chị T, việc cho cháu H2 đi làm con nuôi các bên không làm giấy tờ gì.

Đến nay anh H cũng không có ý kiến gì về việc anh và chị T đã cho cháu H2 đi làm con nuôi.

Về tài sản chung. Sau khi kết hôn anh chị có hai khối tài sản cụ thể.

Có 01 nhà xây mái bằng, công trình phụ nằm trên diện tích đất khoảng 100m² tại tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nguồn gốc đất là của bố mẹ anh cho anh trước khi kết hôn với chị T, đất là tài sản riêng của anh, tài sản trên đất là của chung hai vợ chồng. Nguyên vọng của anh xin được sử dụng nhà để hương khói cho bố mẹ anh vì hiện nay bố mẹ anh đều đã chết.

Còn lại một ngôi nhà ở Tiểu khu C, thị trấn N, chị T đã bán trong thời gian hai anh chị đi chấp hành án, nay anh H không có ý kiến, kiện tụng gì căn nhà chị T đã bán.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Lê Thị T(Lê Hoài T) trình bày.

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung chị nhất trí như anh H trình bày. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn với anh H.

Nguyên vọng của chị là ngôi nhà tại tiểu khu C, thị trấn N để lại cho cháu Phạm Tiến H sử dụng vì cháu đã trưởng thành.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử cho anh Phạm Tiến H và chị Lê Thị T(Lê Hoài T) ly hôn.

- Về con chung: Do cháu Phạm Tiến H - sinh năm 1990 đã trưởng thành 18 tuổi, anh Phạm Tiến H sẽ có trách nhiệm giáo dục cháu.

Đối với cháu Phạm Huy H – sinh năm 2003, do hai anh chị đã thỏa thuận cho cháu đi làm con nuôi nên không đề cập việc giải quyết.

- Về tài sản chung: Tạm giao cho anh Phạm Tiến H được sử dụng 01 nhà xây mái bằng, công trình phụ, 01 giếng nước trị giá 13.836.345đ trên diện tích đất là 90,3m². Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc anh Phạm Tiến H phải trả tiền chênh lệch tài sản cho chị T là 6.918.172đ.

- Về án phí: Anh Phạm Tiến H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Tiến H và chị Lê Thị T phải chịu án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng. Đối với việc xét xử chị Lê Thị T vắng mặt là do đang phải đi chấp hành án, nên không thể có mặt để tham gia phiên tòa, chị T đã có ý kiến xin được vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tiến H và chị Lê Thị T kết hôn với nhau vào ngày 02/10/1989. Khi kết hôn anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không Tộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc anh H xin ly hôn chị T là do chị T vi phạm pháp luật. Hiện đang phải đi chấp hành án với mức án chung thân.

Quá trình giải quyết vụ kiện, căn cứ vào kết quả ủy thác điều tra, lời khai của các bên đương sự. Tòa án đã tiến hành điều tra để giải quyết vụ kiện.

Tại buổi hòa giải anh H và chị T chỉ thống nhất được với nhau về tình cảm đó là đều nhất trí ly hôn, còn về tài sản anh chị không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh với chị anh H để xác định về nguồn gốc đất. được biết nguồn gốc đất là của bố mẹ anh H cho anh H trước khi kết hôn với chị T, hiện nay bố mẹ anh H đã chết. Như vậy có đủ căn cứ để xác định diện tích đất tại tiểu khu C là tài sản riêng của anh H có trước khi kết hôn với chị T.

Để có căn cứ giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất, tài sản trên đất gồm ngôi nhà, công trình phụ để định giá làm căn cứ phân chia.

Về diện tích đất tại tiểu khu C, thị trấn N có tổng diện tích là $90,3\text{m}^2$ đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về đất là của bố mẹ anh H cho anh H nên không định giá, giá trị diện tích đất.

Trên đất đã xây nhà, bể nước, bếp, giếng nước tất cả được xây dựng từ năm 1994. Căn cứ vào Thông tư số 162/2014/TT – BTC ngày 06/11/2014 của Bộ tài chính để xác định giá trị hao mòn, để tính giá trị còn lại của các hạng mục.

Căn cứ QĐ số 14/2017/QĐ – UBND ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La để vận dụng xác định nguyên giá.

Quá trình thẩm định đã xác định được toàn bộ khối tài sản được xây dựng từ năm 1994, giá trị còn lại của từng hạng mục như sau.

01 nhà tầng mái bằng, bê tông cốt thép diện tích $45,8\text{m}^2$ giá trị còn lại là 11.185.141đ.

01 bể nước tường xây $1,69\text{m}^3$. Giá trị còn lại 2.654.203đ.

01 bếp xây mái bê tông cốt thép diện tích $2,88\text{m}^2$, giá trị còn lại = không đồng.

Nhà vệ sinh tường xây gạch có diện tích là $2,34\text{m}^2$ giá trị còn lại = 0 đồng.

01 nhà bán mái tường xây gạch chỉ 110mm, mái lợp Prô xi măng, nền láng vữa xi măng $5,32\text{m}^2$ giá trị còn lại 0 đồng.

01 giếng nước thành xây bằng đá $4,71\text{m}^3$ giá trị hao mòn khấu hao còn lại 0 đồng.

Tổng giá trị còn lại là 13.839.345đ (Mười ba triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, ba trăm bốn mươi lăm đồng).

[3] Về con chung:

Về con chung: Do cháu Phạm Tiến H - sinh năm 1990 đã trưởng thành 18 tuổi, anh Phạm Tiến H sẽ có trách nhiệm giáo dục cháu.

Đối với cháu Phạm Huy H – sinh năm 2003, do hai anh chị đã thỏa thuận cho cháu đi làm con nuôi, không có tranh chấp gì nên không đề cập việc giải quyết.

- Về tài sản chung: Xét hiện nay anh H và cháu H hai bố con đang ở với nhau, tài sản này là của anh, chị gây dựng nên do đó cần tạm giao cho anh Phạm Tiến H được sử dụng 01 nhà xây mái bằng, công trình phụ, 01 giếng nước trị giá còn lại là 13.836.345đ. Trên diện tích đất $90,3\text{m}^2$ tại tiểu khu C, thị trấn N (Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là phù hợp.

Anh Phạm Tiến H phải có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch tài sản cho chị Lê Thị T là 6.919.672đ (Sáu triệu, chín trăm mười chín ngàn, sáu trăm bảy hai đồng).

Về chi phí tố tụng thẩm định, định giá tài sản, anh Phạm Tiến H xin tự nguyện chịu, không yêu cầu chị Lê Thị T cùng phải chịu, nên không đề cập việc giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Anh Phạm Tiến H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Tiến H và chị Lê Thị T phải chịu án phí tranh chấp tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Phạm Tiến H và chị Lê Thị T (Tên gọi khác Lê Hoài T) được ly hôn.

2. Về tài sản chung:

Tạm giao cho anh Phạm Tiến H được sử dụng 01 nhà xây mái bằng, công trình phụ, 01 giếng nước trị giá 13.836.345đ cùng diện tích đất 90,3m³ tại tiểu khu C, thị trấn N, thửa đất có vị trí tiếp giáp như sau. Phía bắc giáp gia đình anh chị L + N, phía tây giáp đường xóm, phía nam giáp đất gia đình anh chị A + N, phía đông giáp đất gia đình anh T + H. Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Có sơ đồ trích đo khu đất kèm theo).

Anh Phạm Tiến H phải có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch tài sản cho chị Lê Thị T là 6.919.672đ (Sáu triệu, chín trăm mười chín ngàn, sáu trăm bảy hai đồng).

3. Về án phí:

Anh Phạm Tiến H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 03824 ngày 09 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Anh Phạm Tiến H phải chịu 345.983đ án phí tranh chấp tài sản.

Chị Lê Thị T phải chịu 345.983đ án phí tranh chấp tài sản.

“ Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền: Thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND TTN, huyện M, tỉnh Sơn La
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh